

Sinh kế du lịch thích ứng với biến đổi khí hậu của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ

Nguyễn Song Tùng¹, Lê Hồng Ngọc²

^{1,2} Viện Địa lí nhân văn, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: songtung1711@gmail.com

Nhận ngày 18 tháng 11 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 12 năm 2020.

Tóm tắt: Sinh kế du lịch của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ phụ thuộc rất lớn vào các điều kiện môi trường. Tuy nhiên, khu vực này đang phải đối mặt với các rủi ro lớn như bão, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng, sạt lở đường bờ biển, hạn hán và xâm nhập mặn do biến đổi khí hậu (BĐKH). Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sinh kế du lịch của người dân địa phương và đặt ra nhiều thách thức thích ứng với BĐKH trong sinh kế; nhiều khó khăn và thách thức khi chính các nguồn vốn sinh kế cũng chịu ảnh hưởng của BĐKH và các hoạt động tự thích ứng của người dân cũng còn rất hạn chế.

Từ khóa: Dân cư nông thôn, sinh kế du lịch, thích ứng biến đổi khí hậu, vùng ven biển Nam Trung Bộ.

Phân loại ngành: Địa lí học

Abstract: The livelihood of tourism of rural inhabitants in Vietnam's South Central Coast region is highly dependent on environmental conditions. However, the area is facing major risks such as storms, tropical depressions, sea level rise, coastal erosion, drought and saline intrusion due to climate change. This significantly affects the locals' activities of the livelihood and poses many difficulties and challenges to climate change adaptation in livelihoods, when the sources of capital for livelihoods are also affected by climate change, and when the people's own activities of adaptation are also very limited.

Keywords: Rural population, livelihood of tourism, climate change adaptation, Vietnam's South Central Coast region.

Subject classification: Geography

1. Đặt vấn đề

Nam Trung Bộ là dải đất hẹp ngang và kéo dài theo hướng Bắc - Nam, một mặt giáp biển với đường bờ biển dài khoảng 1.290 km, có thêm lục địa và vùng lãnh hải rộng lớn [2]. Khu vực ven biển có địa hình tương đối bằng phẳng, tại các nơi đồi núi tiếp xúc với biển có dạng địa hình bờ biển mài mòn với đường bờ biển khúc khuỷu đã tạo ra nhiều cảnh quan tự nhiên như bãi biển, vũng vịnh, đầm phá, ghềnh đá, mũi đá, cồn cát, bán đảo và đảo sát bờ [1]. Cùng với khí hậu nhiệt đới nắng ấm quanh năm và các hệ sinh thái có mức độ đa dạng sinh học cao, vùng ven biển Nam Trung Bộ có những điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển du lịch với nhiều hoạt động tắm biển, nghỉ dưỡng, vui chơi và giải trí phong phú, diễn ra quanh năm. Ngoài ra, khu vực ven biển cũng là nơi tập trung dân cư với mật độ cao, diễn ra nhiều hoạt động kinh tế - xã hội, có mạng lưới giao thông vận tải đa dạng và là nơi hội tụ với nhiều di sản văn hóa phong phú. Đây chính là những điều kiện kinh tế - xã hội cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch tại các địa phương Nam Trung Bộ.

Phát triển du lịch được coi là một chiến lược hiệu quả để thúc đẩy sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư nông thôn ở các khu vực ven biển. Với điều kiện phát triển thuận lợi như vậy, việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch đã trở thành một nguồn thu nhập mới của người dân sinh sống xung quanh các khu, tuyến và điểm du lịch tại vùng ven biển Nam Trung Bộ. Đặc biệt, du lịch đã và đang trở thành một sinh kế mới đối với các hộ gia đình nông thôn, bổ sung và/ hoặc thay thế hoàn toàn các sinh kế truyền thống

như trồng trọt và nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản. Tuy nhiên, du lịch là hoạt động có sự phụ thuộc rất lớn vào môi trường tự nhiên. Mặc dù có các điều kiện thuận lợi để phát triển, khu vực ven biển Nam Trung Bộ cũng phải đối mặt với rủi ro thiên tai lớn. Các rủi ro từ bão, áp thấp nhiệt đới và nước biển dâng ngày càng gia tăng dưới ảnh hưởng của BĐKH, gây ra tình trạng sạt lở đường bờ biển, xâm nhập mặn, ngập lụt và hạn hán ở các địa phương ven biển Nam Trung Bộ. Bên cạnh đó, địa hình khu vực duyên hải Nam Trung Bộ đâm ngang ra sát biển và hệ thống sông ngòi dốc cũng khiến dân cư và sinh kế trở thành những đối tượng dễ bị tổn thương trước các tác động của BĐKH. Trong bối cảnh đó, các nguồn vốn sinh kế là một cấu phần tạo nên năng lực thích ứng với BĐKH của người dân trong các hoạt động sinh kế [5]. Cùng với hệ thống các văn bản chính sách thích ứng với BĐKH, hoạt động tự thích ứng cũng góp phần nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH trong sinh kế. Đối với dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ, việc thích ứng với BĐKH trong hoạt động sinh kế du lịch cũng đặt ra nhiều khó khăn và thách thức khi chính các nguồn vốn sinh kế cũng chịu ảnh hưởng của BĐKH và các hoạt động tự thích ứng của người dân cũng còn rất hạn chế. Bài viết này³ phân tích hiện trạng sinh kế du lịch của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ trong bối cảnh thích ứng với BĐKH và đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm đảm bảo tính bền vững của sinh kế du lịch trước các tác động của BĐKH.

Bài viết sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu các thông tin thứ cấp từ các công trình đã công bố, các số liệu thống kê của các tổ chức uy tín trong và ngoài nước

như Tổng cục Thống kê [4] và Ngân hàng thế giới (WB) [6], nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực địa và điều tra xã hội học, phỏng vấn sâu tại các huyện Thăng Bình (tỉnh Quảng Nam), huyện Tuy An (tỉnh Phú Yên) và huyện Ninh Hải (tỉnh Ninh Thuận) trong giai đoạn 2019-2020 nhằm thu thập dữ liệu nguyên cấp về thực trạng sinh kế du lịch của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ trong bối cảnh BĐKH. Nhóm nghiên cứu sử dụng bảng hỏi nhằm điều tra xã hội học với đối tượng là các hộ gia đình sinh sống ở khu vực nông thôn ven biển với đa dạng các loại hình sinh kế và tiến hành phỏng vấn sâu với đối tượng là các cán bộ địa phương và người dân có sinh kế chính là cung cấp các dịch vụ du lịch tại các điểm du lịch ven biển của ba địa phương nêu trên. Nội dung điều tra và phỏng vấn sâu liên quan đến hoạt động sinh kế du lịch của dân cư nông thôn ven biển, tác động của BĐKH đến hoạt động sinh kế của họ và hoạt động tự thích ứng trong sinh kế du lịch của người dân.

2. Tác động của biến đổi khí hậu đến sinh kế du lịch của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ

Theo đánh giá, du lịch là một trong những ngành dịch vụ có vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế ở các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ, nhưng cũng là một trong những ngành chịu tác động lớn của BĐKH do đây là ngành nhạy cảm với điều kiện tự nhiên môi trường [3]. BĐKH tác động đến trực tiếp đến phát triển du lịch thông qua các tác động đến tài nguyên du lịch và hoạt động du lịch. Ngoài ra, BĐKH cũng gián tiếp ảnh hưởng đến phát triển du lịch thông

qua các tác động đến con người, cơ sở hạ tầng và giao thông.

BĐKH khiến làm cho khí hậu của vùng ven biển Nam Trung Bộ không còn lý tưởng cho nhiều hoạt động du lịch. Mùa mưa có lượng mưa nhiều hơn và thời gian mưa thất thường hơn, trong khi mùa khô kéo dài và có lượng mưa sụt giảm đáng kể. Mùa vụ du lịch cũng có sự thay đổi do mùa tránh nắng nóng đi kèm với tình trạng bão, áp thấp nhiệt đới, hạn hán và lũ lụt ngày càng gia tăng về tần suất, cường độ và mức độ bất thường. Các hoạt động du lịch ngoài trời, đặc biệt là lữ hành, bị ảnh hưởng và gián đoạn do điều kiện thời tiết không đảm bảo an toàn cho khách du lịch và người dân. Theo đánh giá của WB [6], các địa phương ven biển Nam Trung Bộ có mức độ thiệt hại trung bình hàng năm đối với ngành du lịch trong khoảng từ 0,5 triệu USD đến 14,4 triệu USD.

Đồng thời, sự biến đổi thất thường của các yếu tố khí hậu cũng gây ảnh hưởng đến tình trạng của các công trình di sản văn hóa vật thể. Các di sản như Khu phố cổ Hội An hay hệ thống đền tháp Chăm bị mối mọt, nấm mốc và hư hại do ảnh hưởng của tình trạng nắng nóng, các trận mưa bão gây ngập úng kéo dài. Các hoạt động văn hóa phi vật thể như lễ hội truyền thống và văn nghệ dân gian cũng bị gián đoạn. Sự xuống cấp của các di sản văn hóa làm giảm sức hấp dẫn của các điểm du lịch. “Du lịch là loại hình dễ bị tổn thương, đặc biệt là tại Phú Yên nơi có nhiều cơ sở du lịch ven biển. Ngoài ra, các di tích lịch sử - văn hóa dễ bị tác động bởi yếu tố khí hậu nhưng lại rất khó giải quyết chỉ từ góc độ quản lý nhà nước về du lịch. Các khu du lịch sinh thái chịu ảnh hưởng chủ yếu của bão” (Phỏng vấn sâu, nam, cán bộ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Yên).

Các bờ biển là một trong những điểm thu hút chính, đặc biệt là các bãi biển nguyên sơ và hệ sinh thái tự nhiên ở các điểm du lịch nổi tiếng và đô thị ven biển. Tuy nhiên dưới ảnh hưởng của BĐKH, nhiều bãi biển đang bị đe dọa do hiện tượng xâm thực bờ biển. Sạt lở bờ biển ảnh hưởng đến việc thu hút khách du lịch và do đó ảnh hưởng đến cả ngành du lịch của các địa phương nói chung. Ngoài ra, mực nước biển dâng gây sạt lở đất cũng làm thu hẹp quỹ đất cho các hoạt động du lịch.

Nhiệt độ gia tăng làm tăng chi phí làm mát và vận hành các thiết bị điện trong các cơ sở lưu trú, ăn uống và mua sắm, vui chơi, tham quan, giải trí. Tình trạng sạt lở bờ biển và ngập úng khiến kết cấu đất bị yếu và dễ bị tổn thương hơn trước triều cường, ảnh hưởng đến cơ sở vật chất phục vụ du lịch, đặc biệt là các cơ sở lưu trú như khách sạn và nhà nghỉ. Bên cạnh đó, nước biển dâng và mưa thất thường gây ra tình trạng ngập úng làm hư hỏng các công trình và thiết bị. Theo đánh giá của WB [6], Nam Trung Bộ có 1.052 khách sạn ven biển bị ảnh hưởng do sạt lở hoặc nằm trong bán kính 5 km từ bờ biển sẽ chịu ảnh hưởng của sạt lở.

BĐKH cũng gây ảnh hưởng đến hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông và năng lượng phục vụ cho các hoạt động du lịch của vùng với tổng thiệt hại 6,7 triệu USD do bão và 14,2 triệu USD do lũ, mạng lưới giao thông đường bộ của vùng có mức độ rủi ro trước bão lũ nằm trong khoảng từ 1% đến 7% với tổn thất trung bình hàng năm của cơ sở hạ tầng giao thông công cộng do thiên tai của vùng nằm trong khoảng từ 850.000 USD đến 12 triệu USD [6]. Du lịch là hoạt động phụ thuộc vào hệ thống năng lượng, đặc biệt là điện và càng phụ thuộc vào điện thì tình trạng mất điện do BĐKH

càng gây thiệt hại lớn. Ngoài ra, tình trạng thiếu nước vào mùa khô cũng gây thiệt hại lớn cho du lịch. “Biến đổi khí hậu mà đặc biệt là hạn hán có ảnh hưởng đến hoạt động du lịch trên địa bàn huyện Ninh Hải. Khách du lịch đến huyện chủ yếu theo tuyến làng nho Thái An - vườn quốc gia Núi Chúa - vịnh Vĩnh Hy ngắm san hô và trải nghiệm cộng đồng dân tộc Chăm, Ra-glai. Hạn hán làm ảnh hưởng đến vườn nho nên cũng tác động xấu đến du lịch, ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt của người dân và khách du lịch, vì hạn chế nguồn nước nên không thể giữ chân du khách lưu trú lâu hơn” (Phỏng vấn sâu, nữ, cán bộ UBND huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận).

BĐKH cũng gây ảnh hưởng đến sức khỏe của lao động du lịch. Khí hậu nóng ẩm tạo điều kiện thuận lợi cho các loài vi khuẩn phát triển, tăng khả năng gây ra dịch bệnh liên quan đến nước sạch và vệ sinh môi trường. Cường độ bức xạ mặt trời lớn và thời tiết thay đổi đột ngột trong thời gian ngắn là nguyên nhân gây ra cảm nóng, say nắng, suy nhược cơ thể, mất cân bằng nước và muối khoáng, tăng nguy cơ mắc bệnh đối với người cao tuổi và người có bệnh mãn tính khiến cho sức chịu đựng và sức lao động của con người giảm sút.

Theo kết quả điều tra khảo sát hộ gia đình của nhóm nghiên cứu, người dân nhận định rằng tình trạng nắng nóng bất thường, khô hạn kéo dài, mưa đá, lốc xoáy, bão bất thường, lũ lụt bất thường và mưa bất thường diễn ra ở mức độ thỉnh thoảng đến thường xuyên. Đa phần người dân chịu ảnh hưởng xấu về sức khỏe, nhà ở, đất ở, tài sản, đồ dùng, nguồn nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường và giao thông, đi lại. Các hiện tượng nêu trên đa phần gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động sinh kế du lịch của người dân.

Tuy nhiên, một số người dân cho rằng tình trạng nắng nóng do nhiệt độ tăng khiến cho khách có xu hướng gia tăng nhu cầu tắm biển và nghỉ dưỡng và kéo dài thời gian du lịch mùa hè. Đây là cơ hội để người dân cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

Nhìn chung, tác động của BĐKH đến sinh kế du lịch vùng ven biển Nam Trung Bộ chưa rõ ràng, khiến cho các hoạt động thích ứng với BĐKH trong các hoạt động sinh kế tại các địa phương ven biển Nam Trung Bộ gặp nhiều khó khăn và chủ yếu phát triển tự phát theo xu hướng phát triển kinh tế - xã hội chung của vùng và của cả nước.

3. Hiện trạng sinh kế du lịch và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong sinh kế du lịch của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ

3.1. Hiện trạng sinh kế du lịch của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ

Vùng ven biển Nam Trung Bộ bao gồm các địa phương có những đặc điểm tương đồng về tự nhiên và kinh tế - xã hội, khiến cho hoạt động du lịch trên địa bàn vùng có những đặc điểm riêng biệt so với các vùng lân cận khác và hình thành một trong các địa bàn du lịch biển hàng đầu của cả nước. Khu vực này có sự phong phú về tài nguyên du lịch với thiên nhiên đa dạng và văn hóa độc đáo, trong đó nổi bật là hệ thống tài nguyên du lịch biển, trở thành cơ sở hình thành các địa bàn và khu vực trọng điểm phát triển du lịch.

Du lịch tại vùng ven biển Nam Trung Bộ đã khởi sắc và trở thành một ngành kinh tế quan trọng. Vùng thu hút khách đến quanh

năm nhưng tập trung nhiều vào các tháng mùa hè là mùa cao điểm du lịch biển đảo với nhiều hoạt động du lịch đa dạng như tham quan thắng cảnh, nghỉ dưỡng, tắm biển, tham quan di tích, tham dự hội thảo hội nghị...

Mặc dù có sẵn nhiều tài nguyên, tiềm năng cho phát triển du lịch nhưng các hình thức du lịch tại Nam Trung Bộ không phong phú và chưa tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Theo thống kê [4] từ năm 2015 đến năm 2019, số lượt khách đến Nam Trung Bộ tăng từ 15,3 triệu người lên 23,5 triệu người, doanh thu lữ hành du lịch tăng từ 1.742,2 tỷ đồng lên 3.288,3 tỷ đồng. Phát triển du lịch gắn với biển đảo là một thế mạnh của các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ nhưng tỷ trọng du lịch trong cơ cấu kinh tế địa phương còn rất khiêm tốn: năm 2019, doanh thu lữ hành du lịch bình quân chỉ đóng góp 0,7% vào tổng sản phẩm địa phương của toàn vùng Nam Trung Bộ [4].

Các hoạt động du lịch tại vùng ven biển Nam Trung Bộ đã và đang tạo ra việc làm cho lao động địa phương thông qua sự xuất hiện và phát triển của nhiều ngành nghề có liên quan đến du lịch của dân cư sinh sống xung quanh các điểm du lịch, góp phần đa dạng hóa sinh kế và cải thiện thu nhập, xóa đói giảm nghèo. “Du lịch là hoạt động tự phát, người dân chủ yếu là buôn bán hải sản đánh bắt được bán cho khách du lịch, dựng hàng quán nhỏ lẻ để bán hàng ăn uống cho khách du lịch hay trông xe, làm nhà vệ sinh cho khách đến tắm biển. Các hoạt động này chỉ chủ yếu diễn ra vào mùa nắng nóng do địa phương có bãi tắm biển thu hút khách đến” (Phỏng vấn sâu, nam, cán bộ UBND xã Bình Hải, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam).

Theo kết quả điều tra khảo sát hộ gia đình của nhóm nghiên cứu tại các địa bàn nghiên cứu điểm, dân cư nông thôn chủ yếu là lực lượng lao động du lịch gián tiếp. Các hoạt động chủ yếu gồm có cung cấp dịch vụ ăn uống du lịch, dịch vụ nhà nghỉ du lịch, vận chuyển khách và bán đặc sản địa phương tại các điểm đến du lịch. “Hiện nay ở khu du lịch hòn Yến mới chỉ có hai hộ dân bán dịch vụ ăn uống, ba hộ dân cho thuê ca nô, hai hộ dân có nhà vệ sinh và nhà tắm nước ngọt cho du khách” (Phòng vấn sâu, nam, cán bộ UBND xã An Hòa, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên).

Sự manh nha phát triển du lịch tại khu vực ven biển Nam Trung Bộ đã khiến một số hộ gia đình giảm hoặc từ bỏ các sinh kế truyền thống như trồng trọt hay nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản để chuyển sang việc bán đồ lưu niệm, nấu ăn, vận chuyển khách hoặc làm thuê cho các cửa hàng ăn uống và vận tải hành khách. Do đó, thu nhập bình quân của các hộ gia đình này thường không cao và không ổn định, phụ thuộc rất lớn vào các điều kiện tự nhiên và hoạt động của thị trường du lịch. “Doanh thu mỗi ngày cũng tùy bữa. Từ bữa giờ em thu được tầm bảy tám trăm ngàn, trừ chi phí còn lại hai ba trăm tiền lãi. Ngày đông khách thì em bán được 2 triệu đến 5 triệu” (Phòng vấn sâu, nữ, hộ kinh doanh dịch vụ du lịch tại khu du lịch hòn Yến, tỉnh Phú Yên).

3.2. Năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong sinh kế du lịch của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ

Nhằm nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong sinh kế du lịch của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ, các Bộ, ngành đã có chủ trương và xây

dựng hệ thống văn bản chính sách về thích ứng với BĐKH trong hoạt động du lịch ở vùng ven biển Nam Trung Bộ, gồm: Chiến lược quốc gia về BĐKH; Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050; cùng các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của các tỉnh, thành phố Nam Trung Bộ.

Ở cấp địa phương, nhiều văn bản chính sách đã được chính quyền địa phương ban hành nhằm nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH trong hoạt động du lịch và sinh kế du lịch của dân cư, gồm: Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2013 của UBND tỉnh Phú Yên về Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 56/KH-TW ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Tỉnh ủy về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Nghị quyết số 69/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Ninh Thuận về phát triển kinh tế biển Ninh Thuận đến năm 2020...

Bên cạnh đó, các nguồn vốn sinh kế là cấu phần quan trọng trong việc xây dựng năng lực thích ứng với BĐKH trong hoạt động sinh kế du lịch của dân cư nông thôn ven biển Nam Trung Bộ. Sử dụng

khung lý thuyết về sinh kế bền vững của Bộ Phát triển quốc tế Anh (DFID) [5], nhóm nghiên cứu đã khảo sát và phân tích các nguồn vốn sinh kế du lịch của dân cư nông thôn, cụ thể như sau:

- Nguồn vốn tự nhiên

Các địa phương ven biển Nam Trung Bộ có vị trí địa lý thuận lợi do nằm trên các trục giao thông quan trọng của cả nước như đường sắt Bắc - Nam, quốc lộ 1A và quốc lộ 14, đưa vùng trở thành một bộ phận không thể tách rời của các tuyến du lịch quốc gia, kết nối du lịch Bắc - Nam với Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ cũng như du lịch Đông - Tây với miền Trung và Tây Nguyên. Đây là điều kiện thuận lợi để người dân đón tiếp và thu hút khách du lịch. Tuy nhiên, vị trí địa lý cũng khiến vùng nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ trực tiếp, gây mưa to và ngập úng kéo dài, làm thiệt hại về người và tài sản, ảnh hưởng đến các hoạt động sinh hoạt và sinh kế. Thiên tai cũng làm mất đi sự hấp dẫn và an toàn của các điểm du lịch, làm gián đoạn các hoạt động du lịch trên địa bàn.

Vùng ven biển Nam Trung Bộ chủ yếu là đồng bằng nhỏ hẹp ở hạ lưu sông và vùng đất cát ven biển, thấp dần về phía biển với nhiều bãi biển thoải, rộng rãi và các đảo, bán đảo ven bờ. Đây là điều kiện thuận lợi để người dân khai thác và mở rộng mặt bằng kinh doanh cũng như đa dạng hóa các dịch vụ du lịch. Tuy nhiên do BĐKH và nước biển dâng, một số bãi biển bị sạt lở khiến cho người dân bị mất mặt bằng kinh doanh, phải di dời sang địa điểm khác.

Vùng có nền nhiệt cao, nhiều nắng và không có mùa đông lạnh, thích hợp phát triển các hoạt động du lịch biển quanh năm. Đây là điều kiện để người dân cung cấp các

dịch vụ du lịch khi có khách đến nghỉ dưỡng. Tuy nhiên, mùa bão trùng với mùa mưa nên vào những tháng mùa mưa, người dân không thể kinh doanh dịch vụ do không có khách.

Hệ thống sông, suối, hồ và mỏ nước khoáng trong vùng về cơ bản là những nguồn cung cấp nước sạch cho các hoạt động du lịch. Tuy nhiên, tình trạng xâm nhập mặn trong mùa khô với độ mặn lên cao và ăn sâu vào đất liền, khiến nguồn nước sạch không đủ để phục vụ. “Mặc dù số lượng khách đến du lịch tăng hàng năm nhưng do hạn hán gây thiếu nước sinh hoạt, tắm rửa. Tại các cơ sở lưu trú phải khai thác nước ngầm nhưng nguồn nước ngầm bị nhiễm mặn và phèn nên khách du lịch thường không hài lòng về vấn đề nước tắm giặt” (Phỏng vấn sâu, nam, hộ kinh doanh dịch vụ du lịch tại huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận).

- Nguồn vốn con người

Theo kết quả điều tra khảo sát hộ gia đình của nhóm nghiên cứu (2019-2020), đa phần người dân cung cấp các dịch vụ du lịch ở vùng nông thôn ven biển Nam Trung Bộ là nông dân hoặc lao động phổ thông tại địa phương có trình độ văn hóa hạn chế, không có kỹ năng nghề và chưa được đào tạo bài bản về du lịch. “Xã hiện đang thiếu người làm hướng dẫn viên du lịch, đặc biệt là người biết tiếng Anh. Mỗi khi có đoàn cán bộ nước ngoài đến khảo sát thực địa tại các điểm du lịch của huyện, tỉnh phải làm công văn cử một giáo viên tiếng Anh ở trường phổ thông đi cùng để làm phiên dịch và hướng dẫn viên cho đoàn” (Phỏng vấn sâu, nam, cán bộ UBND xã An Hòa, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên).

Qua khảo sát các hộ gia đình có sinh kế chính liên quan đến du lịch của nhóm

ngiên cứu, các hộ này có sinh kế trước đây là nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, trồng trọt và làm thuê. Tuy nhiên do một số người dân mất sức lao động hoặc sinh kế trước đây có thu nhập thấp không đủ để trang trải, điều kiện làm ăn ngày càng khó khăn và thời tiết khắc nghiệt hơn nên các hộ đã chuyển đổi sang làm du lịch. Theo đánh giá của các hộ này, sinh kế du lịch phù hợp với sức khỏe của bản thân, phù hợp với điều kiện thời tiết, có thu nhập khá hơn, làm ăn dễ dàng hơn và được chính quyền hỗ trợ chuyển đổi nghề. Vì vậy, các hộ đều cảm thấy hài lòng và không có ý định chuyển đổi nghề.

- Nguồn vốn tài chính

Đa phần các hộ dân sử dụng nguồn vốn tự có để kinh doanh các dịch vụ du lịch. Theo kết quả điều tra khảo sát hộ gia đình của nhóm nghiên cứu, người dân đa phần cũng không có nhu cầu vay vốn. Tuy nhiên, các địa phương Nam Trung Bộ cũng đã có nhiều cơ chế hỗ trợ phát triển sinh kế du lịch của người dân, điển hình gồm có: cơ chế hỗ trợ phát triển du lịch hải đảo cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ cá thể được thành lập và đăng ký kinh doanh ở các mức cho vay xây dựng cơ sở lưu trú và ăn uống không quá 200 triệu đồng/nhà đầu tư, cho vay xây dựng cơ sở phục vụ du khách không quá 50 triệu đồng/nhà đầu tư, hỗ trợ không quá 2 triệu đồng/người/khóa đào tạo lao động, miễn giảm thuế và hỗ trợ hoạt động lữ hành... của tỉnh Quảng Nam (Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Nam); cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất các sản phẩm lưu niệm và đặc sản phục vụ du lịch như hỗ trợ không quá 75 triệu đồng/cơ sở xây dựng phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm lưu

niệm và đặc sản phục vụ du lịch, không quá 30 triệu đồng/cơ sở sản xuất sản phẩm lưu niệm và đặc sản phục vụ du lịch... của tỉnh Phú Yên (Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Phú Yên); cơ chế hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng đối với các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức tham gia phát triển du lịch như hỗ trợ xây dựng 10 triệu đồng/nhà vệ sinh, 20 triệu đồng/nhà sàn, 5 triệu đồng/hộ/lần cải tạo cảnh quan, 50 triệu đồng/lớp đào tạo bồi dưỡng cộng đồng làm du lịch... của tỉnh Ninh Thuận (Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2019 của UBND Ninh Thuận). “Tỉnh đã tiến hành thí điểm mô hình phát triển du lịch cộng đồng tại Làng nông Ngọc Lãng thuộc xã Bình Ngọc với bốn hộ dân. Mỗi hộ dân được tỉnh hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ để phát triển mô hình du lịch tại làng nông” (Phỏng vấn sâu, nam, cán bộ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Yên).

- Nguồn vốn vật chất

Vùng ven biển Quảng Nam có mạng lưới giao thông khá thuận lợi về đường bộ (quốc lộ 1A, quốc lộ 14 và hệ thống tỉnh lộ, đường huyện, thị xã), đường sắt (ga Tam Kỳ, Nông Sơn, Núi Thành), đường biển (cảng Kỳ Hà, Cửa Đại) và hàng không (sân bay Chu Lai) kết nối giao thông, tạo điều kiện cho khách du lịch dễ dàng tiếp cận và di chuyển đến các điểm du lịch cũng như thuận tiện cho người dân trong việc cung cấp dịch vụ vận chuyển và tiếp đón khách. Tuy nhiên vào các tháng mùa mưa bão, giao thông bị gián đoạn khiến cho việc di chuyển và sự an toàn của khách du lịch không được đảm bảo.

Hệ thống các nhà máy thủy điện và các nhà máy nước đảm bảo cung cấp điện và nước cho người dân và khách du lịch.

Tuy nhiên vào các tháng mùa khô hạn, tình trạng thiếu nước và thiếu nước sạch vẫn diễn ra, ảnh hưởng đến đời sống của người dân và hoạt động của khách du lịch, làm giảm chất lượng dịch vụ du lịch.

Các tỉnh, thành phố Nam Trung Bộ đã cấp phép quy hoạch và cho triển khai nhiều dự án đầu tư phát triển du lịch như khu nghỉ dưỡng Nam Hội An, khu nghỉ dưỡng Vinpearl Nam Hội An và khu du lịch Hội An Royal Bay, Vincom Plaza Phú Yên, Apec Madala Wyndham Phú Yên, khu nghỉ dưỡng Stelia Resort, Royal Ninh Thuận, khu resort nghỉ dưỡng cao cấp tiêu chuẩn 5 sao quốc tế kết hợp với tuyến phố thương mại ẩm thực Khánh Hải, tổ hợp SunBay Park Hotel & Resort... Điều này không chỉ tạo ra cơ hội thúc đẩy du lịch, thu hút khách du lịch mà còn tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương trong lĩnh vực du lịch.

- Nguồn vốn xã hội

Nam Trung Bộ là nơi cư trú của nhiều tộc người (Kinh, Xơ-đăng, Cơ Tu, Hoa, Mnông, Co, Gié-Triêng, Tày, Nùng...) nên có nền văn hóa đa dạng và đặc sắc, là yếu tố thu hút du lịch và được khai thác phát triển du lịch. Đa số các công trình văn hóa như Khu phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, hội quán Phước Kiến, tháp Dinh núi Nhạn, thành An Thổ, di tích lịch sử Tàu không số Vũng Rô... tập trung ở vùng ven biển. Vùng cũng có nhiều làng nghề với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ như chiếu Bàn Thạch, dệt Mã Châu, đúc đồng Phước Kiều, mộc Kim Bồng... tạo điều kiện để người dân sinh sống quanh các điểm du lịch có thể cung cấp các dịch vụ như vận chuyển khách, cung cấp dịch vụ ăn uống và bán đặc sản địa phương. Tuy nhiên do các ảnh hưởng của BĐKH, các tài nguyên văn hóa này có nguy cơ bị hư hỏng, xuống cấp, ảnh hưởng

đến sức hút du lịch. “Huyện Tuy An đang tiến hành xây dựng thương hiệu nước mắm làng nghề để phát triển sản xuất nông nghiệp, làng nghề nhằm thu hút du khách, kết hợp với phát triển theo chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để tạo điểm nhấn phát triển du lịch, qua đó tăng tỷ trọng dịch vụ du lịch và giảm tỷ trọng sản xuất nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế địa phương. Huyện cũng đã thực hiện chủ trương và chỉ đạo của tỉnh trong việc hỗ trợ người dân chuyển đổi sinh kế và đào tạo nghề, được thực hiện từ năm 2009 cho đến nay, trong đó có chuyển đổi sang nghề làm mây tre đan, làm chiếu cói và nấu ăn phục vụ du khách... “(Phỏng vấn sâu, nam, cán bộ UBND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên).

Các địa phương Nam Trung Bộ cũng đã ban hành nhiều kế hoạch và chương trình đào tạo, bồi dưỡng lao động du lịch, hướng đến đối tượng là người dân kinh doanh dịch vụ du lịch với các hoạt động đào tạo sơ cấp nghề ngắn hạn, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức văn hóa - lịch sử địa phương và kỹ năng giao tiếp phát triển du lịch cộng đồng, bồi dưỡng kỹ năng mềm và ngoại ngữ... cho người dân tại các điểm du lịch trên địa bàn và người dân làm việc trong các doanh nghiệp du lịch; điển hình gồm có: Kế hoạch số 6425/KH-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Nam đào tạo, bồi dưỡng lao động du lịch Quảng Nam đến năm 2020; Kế hoạch 102/KH-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Yên đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch Phú Yên đến năm 2020; Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020...

“Phú Yên đã có nhiều hoạt động hỗ trợ bà con làm nghề du lịch như xây dựng mô hình thí điểm về du lịch cộng đồng, hỗ trợ quảng bá du lịch thông qua hình thức giới thiệu trên đài truyền hình, hướng dẫn cho người dân cách làm du lịch, phối hợp với các trường cung cấp các lớp đào tạo chứng chỉ ngắn hạn từ 3 tháng đến 6 tháng. Đặc biệt trong giai đoạn 2010-2013, tỉnh đã có hỗ trợ trong việc đào tạo ngắn hạn cho các hộ gia đình để chuyển đổi sinh kế sang dịch vụ du lịch, đặc biệt là các hộ sinh sống gần các khu di tích và điểm du lịch để có sinh kế phù hợp hơn với điều kiện của địa phương. Tỉnh cũng có chính sách hỗ trợ các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch tại các khu du lịch sinh thái chịu thiệt hại do ảnh hưởng của thời tiết. Ngoài ra, tỉnh có chủ trương “du lịch mở đến đâu sẽ dọn đường bê tông đến đó” nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp để phát triển du lịch” (Phòng văn sâu nam, cán bộ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Yên).

- Các hoạt động tự thích ứng với BĐKH trong sinh kế du lịch của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ

Trước ảnh hưởng của BĐKH đến các hoạt động du lịch tại vùng ven biển Nam Trung Bộ, các chủ cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch đã thay thế toàn bộ các thiết bị điện bằng thiết bị tiết kiệm điện và thân thiện với môi trường, thực hiện tiết kiệm điện nước, bảo trì và sửa chữa định kỳ các trang thiết bị, trồng nhiều cây xanh, đầu tư xây dựng hệ thống dũ trữ nước và lọc nước đạt chuẩn. Theo chia sẻ của cán bộ địa phương, một số chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch đã chủ động theo dõi tình hình thời tiết và có phương án phòng chống lụt bão, phân công trực khi có bão và mua bảo hiểm để giảm gánh nặng thiệt hại. Do nhiệt độ tăng

cao và nắng nóng kéo dài, các cơ sở kinh doanh ven biển đã tăng việc cung cấp dịch vụ vào mùa hè và tính toán cắt giảm dịch vụ vào mùa mưa bão, nhưng do chưa chủ động được nguồn nước nên chưa đáp ứng được chất lượng dịch vụ du lịch, làm giảm sự hài lòng và rút ngắn thời gian lưu trú.

Đối với người dân kinh doanh dịch vụ du lịch nhỏ lẻ tại các điểm đến có khách du lịch, nhận thức của họ về BĐKH còn rất hạn chế. Theo kết quả điều tra khảo sát hộ gia đình của nhóm nghiên cứu, đa phần người dân không biết hoặc không hiểu đúng về BĐKH. Vì thế, trước những ảnh hưởng của thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới gây gió, mưa to và úng ngập, đa phần các hộ dân chỉ có thể ngừng cung cấp các dịch vụ du lịch và chờ đến khi mưa bão đi qua sẽ tiếp tục kinh doanh trở lại. Do đầu tư ban đầu cho cơ sở vật chất kinh doanh thấp nên các hộ dân không chủ động ứng phó trước thiên tai, tự khắc phục các thiệt hại và khôi phục lại hoạt động kinh doanh khi có khách du lịch đến. “Người ta nghỉ bán vào mùa mưa bão, chỉ bán lại từ tháng Tết. Một năm em bán được tầm chín tháng, từ tháng Tết cho đến tháng chín, từ tháng chín đến tháng mười hai là mấy tháng mưa thì nghỉ, có năm nghỉ ba tháng hoặc ba tháng rưỡi” (Phòng văn sâu, nữ, hộ kinh doanh dịch vụ du lịch tại Khu du lịch hòn Yến, tỉnh Phú Yên).

4. Kết luận

Từ các kết quả nghiên cứu nêu trên, có thể thấy vấn đề đặt ra đối với sinh kế du lịch của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ trong bối cảnh thích ứng với BĐKH như sau:

Thứ nhất, vùng ven biển Nam Trung Bộ là khu vực có tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng và độc đáo về cả tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên văn hóa, có sức hấp dẫn đối với khách du lịch. Đặc biệt do BĐKH và tình trạng nóng lên, nhu cầu du lịch biển đảo và nghỉ dưỡng sinh thái ngày một tăng, là cơ hội tăng trưởng du lịch biển tại các địa phương ven biển của Nam Trung Bộ và là cơ hội đa dạng hóa và tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người dân. Tuy nhiên, sinh kế du lịch của người dân nông thôn vùng ven biển mang tính tự phát theo nhu cầu và xu hướng chung, chưa được quy hoạch cụ thể và thiếu liên kết. Hoạt động sinh kế cũng mới chỉ dừng ở việc đa dạng hóa sinh kế có sẵn để cải thiện thu nhập nhưng cũng là một lựa chọn phù hợp với điều kiện làm ăn, kinh doanh và sức khỏe của người dân.

Thứ hai, trình độ, kiến thức, kỹ năng và tay nghề của những hộ gia đình kinh doanh dịch vụ du lịch ở vùng nông thôn ven biển rất hạn chế và chưa được đào tạo bài bản. Chính vì vậy, các dịch vụ du lịch được những hộ này cung cấp cho khách du lịch rất đơn giản và trùng lặp, chất lượng dịch vụ không đồng đều và mới chỉ đáp ứng được các nhu cầu giản đơn tại các điểm du lịch, ảnh hưởng đến giá cả, doanh thu và giá trị gia tăng của các dịch vụ du lịch do người dân cung cấp.

Thứ ba, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch của người dân còn giản đơn, chưa được đầu tư đồng bộ và bài bản. Một số cơ sở lưu trú như khách sạn và nhà nghỉ đã lắp đặt nhiều trang thiết bị làm mát để phục vụ nhưng gặp phải hạn chế về khả năng cung cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn, đặc biệt là vào các tháng mùa khô, ảnh hưởng đến

chất lượng du lịch, rút ngắn thời gian lưu trú và làm giảm mức độ hài lòng của khách du lịch.

Thứ tư, ngành du lịch cả nước và các địa phương đều đã có hệ thống văn bản chính sách phát triển du lịch trong bối cảnh thích ứng với BĐKH, cũng như có các cơ chế hỗ trợ sinh kế du lịch của người dân nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ. Tuy nhiên kết quả điều tra khảo sát của nhóm nghiên cứu cho thấy đa phần người dân làm du lịch chưa hiểu biết đầy đủ về BĐKH, cũng như chưa có sự chủ động hay biện pháp, hành động cụ thể để ứng phó với ảnh hưởng của thiên tai và BĐKH đối với hoạt động kinh doanh du lịch.

Trong bối cảnh đó, nhóm nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị chính sách nhằm đảm bảo sinh kế du lịch của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ trong bối cảnh thích ứng với BĐKH, cụ thể như sau:

Một là, cần có những đánh giá cụ thể và chi tiết về ảnh hưởng của BĐKH và các hiện tượng thời tiết cực đoan đến ngành du lịch, bao gồm các tác động đến tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng du lịch, nguồn nhân lực du lịch và môi trường kinh doanh du lịch ở khu vực ven biển, đặc biệt là ở các vùng nông thôn ven biển Nam Trung Bộ; nghiên cứu riêng biệt nhằm dự báo diễn biến và xu hướng của BĐKH và các yếu tố thời tiết khác ở khu vực ven biển Nam Trung Bộ làm cơ sở nhận định các cơ hội và thách thức cũng như xây dựng các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch hành động bao gồm các cơ chế và công cụ chính sách, kỹ thuật và tài chính phù hợp nhằm thích ứng với BĐKH trong sinh kế du lịch ở khu vực nông thôn ven biển Nam Trung Bộ.

Hai là, cần đưa các hoạt động sinh kế du lịch của người dân nông thôn vùng ven biển trở thành một hoạt động sinh kế chính và đưa vào quy hoạch, xây dựng các cơ chế chính sách cụ thể để hỗ trợ và khuyến khích cộng đồng, người dân làm du lịch ở khu vực ven biển. Những chính sách này cần chú trọng đồng thời việc chuyển đổi sinh kế của người dân từ các sinh kế khác sang làm du lịch và việc kết hợp làm du lịch với các sinh kế sẵn có. Để đạt được hiệu quả sinh kế, người dân cần được phổ biến kiến thức, tập huấn và đào tạo các kỹ năng về du lịch, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn và khai thác các di sản văn hóa và ứng phó với BĐKH. Bên cạnh đó, cần có công cụ kỹ thuật và các kênh cảnh báo sớm nhằm cung cấp thông tin kịp thời và cập nhật cho người dân nông thôn ven biển khi sắp xảy ra các hiện tượng thời tiết cực đoan để kịp thời có phương án và hành động nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.

Ba là, cần có biện pháp bảo tồn và trùng tu, nâng cấp các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trước các tác động của BĐKH và thiên tai. Đây là những yếu tố thu hút du khách đến với địa phương và là cơ sở cho các hoạt động sinh kế du lịch của người dân, vì vậy cần được quy hoạch để có cơ sở bảo tồn và hạn chế các tác động tiêu cực của BĐKH.

Bốn là, cơ sở vật chất phục vụ du lịch cũng cần đẩy nhanh tốc độ xây dựng và hoàn thiện để tạo ra nền tảng hạ tầng phục vụ du khách; đồng thời khuyến cáo các chủ kinh doanh dịch vụ du lịch sử dụng các trang thiết bị tiết kiệm năng lượng và quản lý chặt chẽ việc sử dụng năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, khuyến khích việc sử

dụng các nguồn năng lượng sạch và năng lượng có thể tái tạo được, giảm phát thải và không gây ô nhiễm môi trường; xây dựng hệ thống chứa, tích trữ nước và hệ thống xử lý nước tự chảy phục vụ du lịch và sinh hoạt của người dân vùng ven biển, đặc biệt trong các tháng mùa khô.

Chú thích

³ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: 507.99-2018.300, do TS. Nguyễn Song Tùng làm chủ nhiệm.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên) (2018), *Đặc trưng văn hóa vùng Nam Trung Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Lê Thông, Nguyễn Quý Thao (Chủ biên) (2012), *Việt Nam, các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Trương Thị Mỹ Nhân, Lê Thị Thục (2016), *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Tổng cục Thống kê (2020), *Niên giám thống kê 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội
- [5] DFID (2001), *Sustainable livelihoods guidance sheets*, London.
- [6] WB (2020), *Resilient shores: Vietnam's coastal development between opportunity and disaster risk*, Washington.

